

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 05 - 2022
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Chung

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Kim C**, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Khóm A, phường T, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị C trình bày, chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau và tổ chức đám cưới gã vào năm 1999, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không được hạnh phúc, cả hai đã ly thân từ năm 2016 nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C xác định có 02 con chung tên Dương H, sinh năm 2000 và Dương C, sinh ngày 26/9/2004, hiện đang sống chung với chị. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với cháu C chưa đủ 18 tuổi nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có.

Đối với anh Dương Văn T, Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T biết được việc yêu cầu ly hôn của chị C, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị C.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trương Kim C về việc xin ly hôn với anh Dương Văn T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh T là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, anh T là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị C trình bày, chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau và tổ chức đám cưới gả vào năm 1999, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không được hạnh phúc, cả hai đã ly thân từ năm 2016 nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Đối với anh T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị C, cho thấy anh T chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của chị C khi phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, đối chiếu với yêu cầu của chị C là phù hợp nên chấp nhận nên chấp nhận về việc chị C xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị C xác định có 02 con chung tên Dương H, sinh năm 2000 và Dương C, sinh ngày 26/9/2004, hiện đang sống chung với chị. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với cháu C chưa đủ 18 tuổi nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị C về việc nuôi dưỡng cháu C khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của cháu nên được chấp nhận. Cần giao cháu Dương C, sinh ngày 26/9/2004 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị C xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị C nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Kim C về việc xin ly hôn với anh Dương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Dương C, sinh ngày 26/9/2004 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng có quyền thăm nm, chăm sóc giáo dục con chung phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị C xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị C nộp 300.000đ. Vào ngày 10 tháng 01 năm 2022, Chị C đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014680 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- **UBND xã H, H.Thới Bình;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn